

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về việc phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về việc tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục năm 2023;

Theo đề nghị của Chủ tịch của Hội đồng tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục năm 2023 đối với 89 thí sinh (chi tiết theo danh sách kèm theo).

Điều 2. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục năm 2023 có trách nhiệm thông báo công khai trên trang thông tin điện tử thành phố Rạch Giá và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký theo đúng quy định tại

khoản 2 Điều 16 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục năm 2023, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *trần*

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND TP;
- Hội đồng tuyển dụng;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NV(25b).



Nguyễn Văn Hôn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI TRƯNG TUYỂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 127 /QĐ-UBND ngày 30 / 5 /2023 của UBND thành phố Rach Gia)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo			Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đổi tương đương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng điểm đạt	ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học					
I. VỊ TRÍ GIÁO VIÊN MẦM NON														
1	6	Nguyễn Thị Hồng Hậu	28/1/2002	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Ánh Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		73,0	0	73,0	
2	13	Huỳnh Nhã Trúc Ly	12/12/2001	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Ánh Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	UD Cơ bản		86,5	0	86,5	
3	17	Nguyễn Thị Diễm My	29/12/2000	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Ánh Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		84,0	0	84,0	
4	5	Nguyễn Hồng Tú Hân	9/6/2002	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		72,5	0	72,5	
5	10	Hoàng Thị Lan	12/4/2002	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		66,5	0	66,5	
6	23	Danh Thị Lâm Nhi	20/3/1999	Nữ	Khmer	Trường Mẫu giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	UD Cơ bản		52,5	DTTS	57,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng điểm đạt	ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghị quyết vụ SP tiểu học					
7	27	Kiên Thị Ngọc Phương	12/10/2000	Nữ	Khmer	Trường Mẫu giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		82,5	DTTS	5	87,5	
8	40	Danh Thị Tường Vy	24/7/2002	Nữ	Khmer	Trường Mẫu giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		90,0	DTTS	5	95,0	
9	28	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	29/6/2002	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Hương Sen	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		87,5			87,5	
10	41	Nguyễn Tuyết Xuân	5/2/2000	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Măng Non	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		97,5		0	97,5	
11	42	Trần Ngọc Hải Yến	9/12/1993	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Măng Non	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	A		98,0		0	98,0	
12	8	Trần Thiên Hương	23/1/1975	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Bình Minh	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	A		90,0		0	90,0	
13	14	Hoàng Thị Trúc Mai	17/10/1996	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Bình Minh	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	ƯD Cơ bản		84,0		0	84,0	
14	22	Lý Huỳnh Gia Nghi	1/2/2002	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Bình Minh	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		90,0		0	90,0	
15	11	Nguyễn Duy Linh	16/12/1998	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Hướng Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		95,5		0	95,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng điểm đạt	Ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghị quyết SP tiểu học					
16	25	Trương Hoàng Thảo Nhi	20/8/1996	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Hương Dương	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	A		98,0		0	98,0	
17	18	Trương Thị Diễm My	27/1/1999	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sao Mai	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	UD Cơ bản		87,0		0	87,0	
18	39	Trần Thị Lì	20/10/1987	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sao Mai	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	B		90,0		0	90,0	
19	3	Nguyễn Ngọc Diễm	16/11/1996	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sen Hồng	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		97,5		0	97,5	
20	20	Danh Mỹ Nguyễn	4/10/2002	Nữ	Khmer	Trường Mầm non Sen Hồng	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		89,5	DTTS	5	94,5	
21	7	Thị Thu Huyền	26/1/1994	Nữ	Khmer	Trường Mầm non Vành Khuyên	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	UD Cơ bản		67,5	DTTS	5	72,5	
22	37	Lê Ngọc Bảo Trân	3/9/1995	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Vành Khuyên	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B	UD Cơ bản		85,0		0	85,0	

II. VỊ TRÍ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DẠY TIẾNG ANH

1	54	Nguyễn Thị Kim Nương	6/11/1991	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Dại học sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	UD Cơ bản		80,0		0	80,0	
2	52	Trần Minh Kết	24/7/1995	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Kim Đồng	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	UD Cơ bản		91,5		0	91,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng điểm đạt	ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghị quyết vụ SP tiểu học					
3	45	Đàm Thị Mỹ Dung	12/12/1992	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lê Lợi	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	A(Pháp)	B		85,0		0	85,0	
4	55	Võ Thị Ngọc	22/6/1990	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Cử nhân Ngôn Ngữ Anh	B(Pháp)	B	x	86,5		0	86,5	
5	44	Trần Đăng Cơ	20/4/1998	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh	B	ƯD Cơ bản		84,0		0	84,0	
6	59	Nguyễn Thị Bích Tháo	9/4/1995	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	B		88,0		0	88,0	
7	62	Trần Thị Thu Thủy	5/5/1990	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Đại học Ngôn Ngữ Anh	B(Pháp)	A	x	84,0		0	84,0	
8	64	Danh Thị Kim Trinh	9/1/1995	Nữ	Khmer	Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	ƯD Cơ bản		65,5	DTTS	5	70,5	
9	50	Lâm Ngọc Huỳnh	19/3/1995	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Bình Trọng	Đại học sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân	A		89,0		0	89,0	
10	65	Huỳnh Thị Thiên Trúc	29/3/1997	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Khánh Dư	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân	B		89,0		0	89,0	
11	57	Phạm Thị Cẩm Tiên	27/9/1996	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Nhật Duật	Cử nhân Ngôn Ngữ Anh	Cử nhân	Cơ bản	x	83,0		0	83,0	

III. VỊ TRÍ KẾ TOÁN KIỂM VẤN THỦ

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đang ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đôi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng điểm đạt	ghĩ chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghị vụ SP tiêu học					
1	69	Trần Thị Hồng Hạnh	20/12/1986	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Âu Cơ	Dại học Kế toán	B	Dại học		71,5		0	71,5	
2	72	Lâm Anh Thiên Lý	18/11/1992	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Cư nhân Kế toán	A	A		72,0		0	72,0	
3	78	Thị Phòng	2/5/1987	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Bình Trọng	Cư nhân Kế toán	B	B		75,5	DTTS	5	80,5	
4	82	Lâm Thị Thủy Trang	2/8/1984	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Cư nhân Kế toán	B	B		75,5		0	75,5	
5	80	Trần Phương Thảo	1/3/1991	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Dại học Kế toán	B	B		69,0		0	69,0	
6	83	Trần Nguyễn Thành Trung	12/3/1994	Nam	Kinh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Cư nhân Kế toán				75,5		0	75,5	
7	84	Trần Hoàng Như Ý	2/2/1992	Nữ	Kinh	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Dại học Kế toán	B	B		81,5		0	81,5	

IV. VỊ TRÍ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DẠY TIN HỌC

1	85	Nguyễn Thành Công	20/4/1991	Nam	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	Dại học Công nghệ thông tin	B	Dại học	X	72,0		0	72,0	
2	86	Vân Quốc Thanh	21/8/1989	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Trần Nhật Duật	Dại học Công nghệ thông tin	Cao đẳng Tiếng Anh	Dại học	X	80,5	DTTS	5	85,5	
3	87	Đoàn Minh Trí	19/3/1997	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Cư nhân Sư phạm Tin học	B2	Cư nhân		80,5	Hoàn thành NVQS	2,5	83	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng điểm đạt	Ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghịệp vụ SP tiểu học					
4	88	Hồ Thanh Toàn	9/8/1994	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Đại học sư phạm Tin học	B1	Đại học		67,0		0	67	
5	89	Dương Thị Ái Trúc	1/7/1988	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Nguyễn Ba Ngọc	Đại học công nghệ thông tin	B	Đại học	X	78,5		0	78,5	

Tổng số người trong danh sách: 45 người, trong đó

- Vị trí giáo viên mầm non: 22 người
- Vị trí giáo viên tiểu học dạy tiếng Anh: 11 người
- Vị trí Kế toán kiêm văn thư: 7 người
- Vị trí giáo viên tiểu học dạy Tin học: 5 người

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH DÁCH

KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1287 /QĐ-UBND ngày 30 / 5 /2023 của UBND thành phố Rach Giá)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo			Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học							
I. VỊ TRÍ GIÁO VIÊN MẦM NON																
I. TRƯỞNG MẦM GIÁO ÁNH DƯƠNG (số lượng cần tuyển: 4 chỉ tiêu)																
1	6	Nguyễn Thị Hồng Hậu	28/1/2002	Nữ	Kinh	Trường Mầm giáo Ánh Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		73,0	0		73,0	trúng tuyển	
2	13	Huỳnh Nhã Trúc Ly	12/12/2001	Nữ	Kinh	Trường Mầm giáo Ánh Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	UD Cơ bản		86,5	0		86,5	trúng tuyển	
3	17	Nguyễn Thị Diễm My	29/12/2000	Nữ	Kinh	Trường Mầm giáo Ánh Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		84,0	0		84,0	trúng tuyển	
2. TRƯỞNG MẦM GIÁO HOA LAN (số lượng cần tuyển: 6 chỉ tiêu)																
4	5	Nguyễn Hồng Tú Hân	9/6/2002	Nữ	Kinh	Trường Mầm giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		72,5	0		72,5	trúng tuyển	
5	10	Hoàng Thị Lan	12/4/2002	Nữ	Kinh	Trường Mầm giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		66,5	0		66,5	trúng tuyển	
6	23	Danh Thị Lâm Nhi	20/3/1999	Nữ	Khmer	Trường Mầm giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	UD Cơ bản		52,5	DTTS	5	57,5	trúng tuyển	
7	24	Huỳnh Thị Yến Nhi	6/4/2000	Nữ	Kinh	Trường Mầm giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	UD Cơ bản		0,0	0		0,0		bỏ thí

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghề nghiệp vụ SP tiểu học							
8	27	Kiên Thị Ngọc Phương	12/10/2000	Nữ	Khmer	Trường Mẫu giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		82,5	DTTS	5		87,5	trúng tuyển	
9	40	Danh Thị Tường Vy	24/7/2002	Nữ	Khmer	Trường Mẫu giáo Hoa Lan	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		90,0	DTTS	5		95,0	trúng tuyển	
3. TRƯỜNG MẦM GIÁO HƯƠNG SEN (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
10	12	Hứa Thị Trúc Linh	17/8/2002	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Hương Sen	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		61,0		0		61,0		
11	15	Nguyễn Thị Chúc Măng	19/10/1984	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Hương Sen	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B1	A		78,0		0		78,0		
12	28	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	29/6/2002	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Hương Sen	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		87,5				87,5	trúng tuyển	
13	34	Phạm Thị Cẩm Thúy	23/6/2002	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Hương Sen	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		67,5		0		67,5		
4. TRƯỜNG MẦM GIÁO MĂNG NON (số lượng cần tuyển: 2 chỉ tiêu)																	
14	2	Nguyễn Thị Diễm Chúc	17/8/1996	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Măng Non	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	Nâng cao		73,0		0		73,0		
15	4	Đặng Thị Mỹ Hạnh	12/6/1999	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Măng Non	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B1	ƯD Cơ bản		92,5		0		92,5		
16	9	Tạ Minh Khương	21/2/1995	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Măng Non	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	A		54,0		0		54,0		
17	21	Phan Thị Kim Ngân	25/10/2001	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Măng Non	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		91,5		0		91,5		

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghị quyết vụ SP tiểu học							
18	29	Danh Thị Sa Ri	15/8/1996	Nữ	Khmer	Trường Mẫu giáo Măng Non	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	A		90,0	DTTS	5		95,0		
19	41	Nguyễn Tuyết Xuân	5/2/2000	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Măng Non	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		97,5		0		97,5	trúng tuyển	
20	42	Trần Ngọc Hải Yến	9/12/1993	Nữ	Kinh	Trường Mẫu giáo Măng Non	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	A		98,0		0		98,0	trúng tuyển	
5. TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH (số lượng cần tuyển: 3 chỉ tiêu)																	
21	1	Trương Kiều Anh	9/1/2002	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Bình Minh	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		70,5		0		70,5		
22	8	Trần Thiên Hương	23/1/1975	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Bình Minh	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	A		90,0		0		90,0	trúng tuyển	
23	14	Hoàng Thị Trúc Mai	17/10/1996	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Bình Minh	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	UD Cơ bản		84,0		0		84,0	trúng tuyển	
24	16	Huỳnh Thị Bé Mi	26/1/1989	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Bình Minh	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	UD Cơ bản		77,5		0		77,5		
25	22	Lý Huỳnh Gia Nghi	1/2/2002	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Bình Minh	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		90,0		0		90,0	trúng tuyển	
6. TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG (số lượng cần tuyển: 2 chỉ tiêu)																	
26	11	Nguyễn Duy Linh	16/12/1998	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Hướng Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		95,5		0		95,5	trúng tuyển	
27	25	Trương Hoàng Thảo Nhi	20/8/1996	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Hướng Dương	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	A		98,0		0		98,0	trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	ghi chú
							Trình độ	Ngôn ngữ	Tin học	Nghề nghiệp vụ SP tiểu học							
28	26	Nguyễn Thị Tú Oanh	10/9/2000	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Hướng Dương	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B2	ƯD Cơ bản		0,0		0		0,0		bỏ thí
29	30	Nguyễn Thị Nhật Tiên	11/3/2002	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Hướng Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		91,0		0		91,0		
30	31	Trịnh Phương Thanh	5/4/2000	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Hướng Dương	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B2	ƯD Cơ bản		0,0		0		0,0		bỏ thí
31	36	Phạm Thị Thư	1/1/1992	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Hướng Dương	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	A		0,0		0		0,0		bỏ thí
7. TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI (số lượng cần tuyển: 2 chỉ tiêu)																	
32	18	Trương Thị Diễm My	27/1/1999	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sao Mai	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	ƯD Cơ bản		87,0		0		87,0	trúng tuyển	
33	19	Vũ Nguyễn Ngọc Nga	28/4/2000	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sao Mai	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		84,0		0		84,0		
34	35	Trần Thanh Thủy	17/1/1999	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sao Mai	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	ƯD Cơ bản		76,0		0		76,0		
35	39	Trần Thị Út	20/10/1987	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sao Mai	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B1	B		90,0		0		90,0	trúng tuyển	
8. TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG (số lượng cần tuyển: 2 chỉ tiêu)																	
36	3	Nguyễn Ngọc Diễm	16/11/1996	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sen Hồng	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	ƯD Cơ bản		97,5		0		97,5	trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đổi tương đương ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghị vụ SP tiểu học						
37	20	Danh Mỹ Nguyễn	4/10/2002	Nữ	Khmer	Trường Mầm non Sen Hồng	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		89,5	DTTS	5	94,5	trúng tuyển	
38	32	Trương Huỳnh Minh Thor	8/1/2002	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sen Hồng	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		82,5		0	82,5		
39	33	Phan Như Thor	4/3/1999	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Sen Hồng	Cao đẳng sư phạm Mầm non	A2	UD Cơ bản		87,5		0	87,5		
9. TRƯỜNG MẦM NON VÀNH KHUYẾN (số lượng cần tuyển: 3 chỉ tiêu)																
40	7	Thị Thu Huyền	26/1/1994	Nữ	Khmer	Trường Mầm non Vành Khuyên	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	UD Cơ bản		67,5	DTTS	5	72,5	trúng tuyển	
41	37	Lê Ngọc Bảo Trân	3/9/1995	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Vành Khuyên	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B	UD Cơ bản		85,0		0	85,0	trúng tuyển	
42	38	Trần Bích Tuyên	22/6/1996	Nữ	Kinh	Trường Mầm non Vành Khuyên	Cao đẳng sư phạm Mầm non	B	UD Cơ bản		0,0		0	0,0		bỏ thí
II. VI TRI GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DẠY TIẾNG ANH																
1. TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÂU VĂN LIÊM (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																
43	54	Nguyễn Thị Kim Nương	6/1/1991	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Đại học sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	UD Cơ bản		80,0		0	80,0	trúng tuyển	
44	60	Nguyễn Hoàng Mai Thảo	27/5/1978	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Cử nhân Anh Văn	Cử nhân	A	x	72,5		0	72,5		
2. TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																
45	52	Trần Minh Kết	24/7/1995	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Kim Đồng	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	UD Cơ bản		91,5		0	91,5	trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	ghi chú
							Trình độ	Ngôn ngữ	Tin học	Nghị quyết vụ SP tiểu học							
46	68	Phan Thị Thanh Vân	20/8/1983	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Kim Đồng	Cử nhân Anh Văn	B2	Sơ cấp nghề sửa chữa máy tính	x	82,0		0		82,0		
3. TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LỢI (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
47	45	Đàm Thị Mỹ Dung	12/12/1992	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lê Lợi	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	A(Pháp)	B		85,0		0		85,0	trúng tuyển	
48	49	Trần Phương Hồng	9/6/1994	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lê Lợi	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	A		80,0		0		80,0		
49	61	Nguyễn Huỳnh Thắng	7/8/1998	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Lê Lợi	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	ƯD Cơ bản		74,0		0		74,0		
4. TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ THỊ HỒNG GÁM (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
50	53	Nguyễn Thị Linh	8/9/1993	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	A		31,5		0		31,5		
51	55	Võ Thị Ngọc	22/6/1990	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Cử nhân Ngôn Ngữ Anh	B(Pháp)	B	x	86,5		0		86,5	trúng tuyển	
52	67	Nguyễn Thị Hồng Tươi	22/12/1995	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	A		82,0		0		82,0		
5. TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG THỂ VINH (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
53	44	Trần Đăng Cơ	20/4/1998	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Đại học sư phạm Tiếng Anh	B	ƯD Cơ bản		84,0		0		84,0	trúng tuyển	
54	56	Nguyễn Thị Phụng	29/3/1989	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	A		81,0		0		81,0		
5. TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng lý dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghị vụ SP tiểu học							
55	51	Lê Thị Thanh Kiều	30/8/1988	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân	A		80,0	0			80,0		
56	59	Nguyễn Thị Bích Thảo	9/4/1995	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	B		88,0	0			88,0	trúng tuyển	
57	63	Hoàng Thị Bạch Trâm	26/8/1998	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	Năng cao		7,5	0			7,5		
6. TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ TỰ TRỌNG (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
58	43	Nguyễn Thị Ngọc Bích	5/8/1996	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	A		81,0	0			81,0		
59	48	Phạm Thị Mỹ Duyên	20/5/1986	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Cử nhân Anh Văn	B(Pháp)	B	x	74,0	0			74,0		
60	62	Trần Thị Thu Thủy	5/3/1990	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Dại học Ngôn Ngữ Anh	B(Pháp)	A	x	84,0	0			84,0	trúng tuyển	
7. TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN CHÍ THANH (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
61	64	Danh Thị Kim Trinh	9/1/1995	Nữ	Khmer	Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	B(Pháp)	UD Cơ bản		65,5	DTTS	5		70,5	trúng tuyển	
62	66	Nguyễn Thị Tú	11/10/1999	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân	UD Cơ bản		53,0	0			53,0		
8. TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN BÌNH TRỌNG (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
63	50	Lâm Ngọc Huỳnh	19/3/1995	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Bình Trọng	Dại học sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân	A		89,0	0			89,0	trúng tuyển	
9. TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN KHÁNH DŨ (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
64	46	Nguyễn Thảo Duyệt	6/1/1993	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Khánh Dư	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân	B		60,0	0			60,0		

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	ghi chú
							Trình độ	Ngôn ngữ	Tin học	Nghề nghiệp vụ SP tiểu học							
65	47	Đỗ Thị Mỹ Duyên	4/4/1987	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Khánh Dư	Dại học sư phạm Tiếng Anh	B2	B		76,0		0		76,0		
66	65	Huỳnh Thị Thiên Trúc	29/3/1997	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Khánh Dư	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân	B		89,0		0		89,0	trúng tuyển	
10. TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN NHUẬT DUẬT (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
67	57	Phạm Thị Cẩm Tiên	27/9/1996	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Nhật Duật	Cử nhân Ngôn Ngữ Anh	Cử nhân	Cơ bản	x	83,0		0		83,0	trúng tuyển	
11. TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOẢN (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
68	58	Võ Thị Mỹ Tiên	7/2/1999	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân	UĐ Cơ bản		34,5		0		34,5		
III. VỊ TRÍ KẾ TOÁN KIỂM VẤN THU																	
1. TRƯỜNG TIỂU HỌC ẬU CƠ (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
69	69	Trần Thị Hồng Hạnh	20/12/1986	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học ẬU CƠ	Dại học Kế toán	B	Dại học		71,5		0		71,5	trúng tuyển	
70	75	Lâm Thị A Muội	21/8/1987	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học ẬU CƠ	Cử nhân Kế toán				62,3		0		62,3		
71	76	Huỳnh Thị Ánh Nguyệt	23/4/1993	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học ẬU CƠ	Cử nhân Kế toán	B	A		69,5		0		69,5		
2. TRƯỜNG TIỂU HỌC PHẠM NGŨ LÃO (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
72	71	Tăng Thị Liên	21/7/1987	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Cử nhân Kế toán	B	A		52,0	Con thương binh	7,5		59,5		
73	72	Lâm Anh Thiên Lý	18/11/1992	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Cử nhân Kế toán	A	A		72,0		0		72,0	trúng tuyển	
74	79	Bùi Thị Mỹ Tiên	18/5/2001	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Cử nhân Kế toán				0,0		0		0,0		bỏ thí
3. TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN BÌNH TRỌNG (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đổi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	Ghi chú
							Trình độ	Ngoại ngữ	Tin học	Nghị vụ SP tiểu học							
75	78	Thị Phòng	2/5/1987	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Bình Trọng	Cử nhân Kế toán	B	B		75,5	DTTS	5		80,5	trúng tuyển	
4. TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOÀN (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
76	81	Lê Quang Tò	16/2/1993	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Cử nhân Kế toán	B	B		53,0		0		53,0		
77	82	Lâm Thị Thủy Trang	2/8/1984	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Cử nhân Kế toán	B	B		75,5		0		75,5	trúng tuyển	
4. TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN VĂN ON (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
78	77	Ngô Thị Huỳnh Như	11/1/1995	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Cao đẳng Kế toán	B	A		64,8		0		64,8		
79	80	Trần Phương Thảo	1/3/1991	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Dại học Kế toán	B	B		69,0		0		69,0	trúng tuyển	
5. TRƯỜNG THCS NGÔ SĨ LIÊN (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
80	70	Nguyễn Thị Lân	28/10/2000	Nữ	Kinh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Cử nhân Kế toán	B1	UD Cơ bản		72,8		0		72,8		
81	74	Lê Ngọc Minh	19/3/1993	Nam	Kinh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Cử nhân Kế toán	B	A		0,0		0		0,0		bỏ thí
82	83	Trần Nguyễn Thành Trung	12/3/1994	Nam	Kinh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Cử nhân Kế toán				75,5		0		75,5	trúng tuyển	
6. TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM (số lượng cần tuyển: 1 chỉ tiêu)																	
83	73	Phạm Thị Nhiên	15/7/1999	Nữ	Kinh	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Cao đẳng Kế toán		UD Cơ bản		44,3		0		44,3		

GIẤY T. KIỂM

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Trình độ đào tạo				Điểm thi phỏng vấn, thực hành (vòng 2)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm trừ do vi phạm (nếu có)	Tổng điểm đạt	Kết quả tuyển dụng	ghi chú
							Trình độ	Ngại ngữ	Tin học	Nghề nghiệp vụ SP tiểu học							
84	84	Trần Hoàng Như Ý	2/2/1992	Nữ	Kinh	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Đại học Kế toán	B	B		81,5		0		81,5	trúng tuyển	
IV. VỊ TRÍ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DẠY TIN HỌC																	
85	85	Nguyễn Thành Công	20/4/1991	Nam	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	Đại học Công nghệ thông tin	B	Đại học	X	72,0		0		72,0	trúng tuyển	
86	86	Văn Quốc Thanh	21/8/1989	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Trần Nhật Duật	Đại học Công nghệ thông tin	Cao đẳng Tiếng Anh	Đại học	X	80,5	DTTS	5		85,5	trúng tuyển	
87	87	Đoàn Minh Trí	19/3/1997	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Cử nhân Sư phạm Tin học	B2	Cử nhân		80,5	hoàn thành NVQS	2,5		83	trúng tuyển	
88	88	Hồ Thanh Toàn	9/8/1994	Nam	Kinh	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Đại học sư phạm Tin học	B1	Đại học		67,0		0		67	trúng tuyển	
89	89	Dương Thị Ái Trúc	1/7/1988	Nữ	Kinh	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Đại học công nghệ thông tin	B	Đại học	X	78,5		0		78,5	trúng tuyển	

Tổng danh sách: 89 người, trong đó có mặt dự thi 82 người, vắng mặt bỏ thi 7 người (5 người vị trí giáo viên mầm non, 2 người vị trí kế toán kiêm văn thư)

Số người có điểm từ 50 điểm trở lên: 79/82 người.

Số người có điểm dưới 50 điểm: 3/82 người.

Số người trúng tuyển: 45 người